

Bản án số: 44/2024/HS-ST

Ngày: 30-8-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Hùng

Thẩm phán: Ông Nguyễn Công Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Sĩ Tư Hoài
2. Bà Hoàng Thị Khiêm
3. Bà Dương Thị Thu V

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 257/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Kim T**, sinh năm 1974 tại Lâm Đồng; nơi đăng ký thường trú: 768/1 HV, tt DL, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Buôn bán; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 08/12; con ông: Nguyễn Đức Th (đã chết) và con bà: Trần Thị M; chồng: Phạm Việt Ch (đã ly hôn năm 2009); con: Có 2 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh 2006.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/10/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Hoàng Thị Minh Hương** – Văn phòng Luật sư Hoàng Thị Minh Hương; Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

Bị hại

Ông **Hàn Văn Ch**, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 13, Tổ 18, BTX, tt DL, huyện Di Linh, Lâm Đồng. Có đơn xin vắng mặt.

Bà **Lê Thị V**, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 50, HBT, tt DL, huyện Di Linh, Lâm Đồng. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ông **Nguyễn Văn Ch2**, sinh năm 1954; địa chỉ: Số 51, HBT, tt DL, huyện Di Linh, Lâm Đồng. Có mặt.

Ông **Phạm Đình T2**, sinh năm 2000; địa chỉ: Số 768/1 HV, tt DL, huyện Di Linh, Lâm Đồng. Có mặt.

Bà **Nguyễn Trúc Phương Tr**, sinh năm 1999; địa chỉ: Số 43 thôn 4, xã Tân Lâm, huyện Di Linh, Lâm Đồng. Có mặt.

Bà **Đoàn Thị Kim S**, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn 3, xã Tân Thượng, huyện Di Linh, Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền để trả nợ nên trong khoảng thời gian từ tháng 6/2022 đến tháng 10/2022 Nguyễn Kim T đã nảy sinh ý định kêu gọi bà Lê Thị V và ông Hàn Văn Ch nhiều lần góp tiền đặt cọc mua chung đất, sau đó chiếm đoạt tiền để trả nợ và tiêu dùng cá nhân. Để thực hiện, T vào các Hội, Nhóm mua bán bất động sản trên mạng xã hội Facebook, Zalo để lấy thông tin những lô đất mà chủ đất cần bán hoặc qua những người môi giới bất động sản khác gửi cho T để gửi cho ông Ch, bà V. Để cho ông Ch, bà V tin tưởng, T đưa ra nhiều lý do khác nhau để kêu gọi góp vốn, như: T có khách cần mua đất, tuy nhiên người mua đất không có đủ tiền cọc nên cần góp thêm tiền để đặt cọc đất, khi bán được đất thì sẽ chia tiền theo tỷ lệ đặt cọc; Trường hợp khác thì T đưa ra thông tin đã thống nhất với chủ đất để đẩy giá đất cao hơn so với giá của chủ đất cần bán, số tiền chênh lệch từ việc đẩy giá thì sau khi công chứng ra sổ sẽ chia khoản tiền chênh lệch theo tỉ lệ góp vốn, thời gian công chứng ra sổ tùy từng lô, thường từ khoảng 01 đến 03 tháng. Do tin tưởng thông tin T đưa ra là thật nên ông Ch, bà V đã nhiều lần đưa tiền cho T bằng hình thức chuyển khoản vào 03 (ba) số tài khoản của người thân của mình gồm: Tài khoản số 2000866866 tại ngân hàng MBBank của anh Phạm Đình T2 (con trai T); Tài khoản số 10006213435 tại ngân hàng Viettinbank của ông Nguyễn Văn Ch2 (sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn) và tài khoản số 19034460480011 tại ngân hàng Techcombank của bà Nguyễn Trúc Phương Tr (bạn gái của T2). Đối với việc giao tiền mặt thì bà V giao cho T 05 (năm) lần với tổng số tiền là 405.000.000đ (Bốn trăm lẻ năm triệu đồng), còn ông Ch giao cho T một lần số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), các lần giao dịch, chuyển tiền cụ thể như sau:

1. Đối với bà Lê Thị V:

Trong thời gian từ tháng 6/2022 đến tháng 10/2022, Nguyễn Kim T đã 20 lần đưa ra thông tin gian dối về việc đầu tư góp vốn mua đất để bà V tin tưởng giao tiền cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: T đưa ra thông tin có lô đất 4.800m² ở thôn HH, xã GR, huyện Di Linh, nói bà V cùng T mỗi người góp 100 triệu đồng, hẹn trong vòng 90 ngày kể từ ngày góp tiền sẽ ra công chứng rồi chia tiền theo tỉ lệ góp vốn. Tin tưởng thông tin T đưa ra là thật nên ngày 22/6/2022, bà V chuyển khoản số tiền 100 triệu đồng vào tài khoản số 10006213435 tại ngân hàng Viettinbank của ông Nguyễn Văn Ch2, nội dung chuyển khoản “LE THI VAN CHUYEN TIEN DAT COC DAT CHUNG VOI CHI THUY LO 4,8 SAO O DI LINH”.

- Lần thứ hai: T đưa ra thông tin có một sư cô ở xã LĐ, Di Linh muốn mua đất, do bà sư cô không có đủ tiền đặt cọc nên T rủ V góp vốn chung để cọc tiền cho chủ đất, sau đó thì T kê giá cao hơn so với giá mà chủ đất sẽ bán, hẹn đến ngày 24/9/2022 sau khi công chứng xong, bà sư cô trả đầy đủ tiền thì chủ đất sẽ trả tiền lại cho T, bao gồm tiền gốc và tiền chênh lệch. Tin tưởng thông tin T đưa ra là thật nên ngày 23/6/2022, bà V chuyển khoản số tiền 70 triệu đồng vào tài khoản số 10006213435 tại ngân hàng Viettinbank của ông Nguyễn Văn Ch2, nội dung chuyển khoản “LE THI VAN chuyen tien”.

- Lần thứ ba: T đưa ra thông tin có lô đất 2.500m², ở tại cầu 4, xã GR, huyện Di Linh, nói có khách ở Vũng Tàu muốn mua, không nói rõ là khách ở đâu, tuy nhiên khách chưa lên để đặt cọc. T nói lô đất này chủ nhà bán giá 600 triệu nên nói V cùng góp tiền mua chung với T với tổng số tiền 600 triệu đồng, hẹn trong vòng 04 tháng kể từ khi góp tiền sẽ bán lại cho khách ở Vũng Tàu với giá 01 tỷ, số tiền 400 triệu đồng tiền chênh lệch thì chia đôi mỗi người 200 triệu đồng. Tin tưởng thông tin T đưa ra là thật nên ngày 27/6/2022, bà V chuyển khoản số tiền 100 triệu đồng vào tài khoản số 10006213435 tại ngân hàng Viettinbank của ông Nguyễn Văn Ch2, nội dung chuyển khoản “LE THI VAN chuyen tien dat coc lo dat 2;5 sao o cau 4”.

- Lần thứ tư: T đưa ra thông tin có lô đất 3.000m², ở tại xã HN, huyện Di Linh. Do khách mới chỉ đặt cọc được số tiền 200 triệu, còn lại 100 triệu thì T rủ V góp vốn chung, mỗi người 50 triệu đồng, hẹn đến ngày 29/8/2022 sẽ công chứng và khi chủ nhà nhận được tiền thì sẽ chuyển trả tiền gốc, tiền chênh lệch. Tin tưởng thông tin T đưa ra là thật nên ngày 28/6/2022, bà V chuyển khoản số tiền 50 triệu đồng vào tài khoản số 10006213435 tại ngân hàng Viettinbank của ông Nguyễn Văn Ch2, nội dung chuyển khoản “LE THI VAN chuyen tien dat coc lo dat 5 sao_Hoa Nam”.

- Lần thứ năm: T đưa ra thông tin có lô đất ở Tân Nghĩa, huyện Di Linh. T nói có khách ở Sài Gòn muốn mua, không nói rõ là khách tên gì, ở đâu. T nói chủ đất yêu cầu đặt cọc 200 triệu đồng, khách đã đặt cọc 140 triệu đồng, số tiền 60 triệu còn lại thì T rủ V góp tiền đặt cọc chung, hẹn đến ngày 01/8/2022 thì ra sổ và chủ đất sẽ chuyển trả tiền gốc và tiền chênh lệch giá bán. Tin tưởng thông tin T đưa ra là thật nên ngày 01/7/2022, bà V chuyển khoản số tiền 30 triệu đồng vào tài khoản số 10006213435 tại ngân hàng Viettinbank của ông Nguyễn Văn Ch2, nội dung chuyển khoản “LE THI VAN chuyen tien dat coc lo dat tan nghia”;

- Lần thứ sáu: T nói có một lô đất ở Tân Nghĩa, huyện Di Linh. Khách ở Sài Gòn muốn mua, T không nói rõ là khách tên gì, ở đâu. Đối với lô đất này chủ nhà yêu cầu đặt cọc 320 triệu đồng, tuy nhiên khách chỉ có đặt cọc 200 triệu đồng, số tiền 120 triệu còn lại thì T rủ V góp tiền đặt cọc chung, hẹn đến ngày 04/9/2022 thì ra sổ và chủ đất sẽ chuyển trả tiền gốc và tiền chênh lệch giá bán. Tin tưởng thông tin T đưa ra là thật nên ngày 10/7/2022, bà V chuyển khoản số tiền 60 triệu đồng vào tài khoản số 10006213435 tại ngân hàng Viettinbank của ông Nguyễn Văn Ch2, nội dung chuyển khoản “LE THI VAN chuyen tien dat coc lo dat Tan nghia voi chi Thuy”;

- Lần thứ bảy: T nói có hai lô đất ở Tân Nghĩa, huyện Di Linh, kể với lô đất đặt cọc ngày 01/7 và ngày 10/7 đã đặt cọc trước đó, không nói cụ thể diện tích. T nói có khách ở Sài Gòn muốn mua, không nói rõ là khách tên gì, ở đâu. Đối với lô đất này chủ nhà yêu cầu đặt cọc 400 triệu đồng, tuy nhiên khách chỉ có đặt cọc 200 triệu đồng, số tiền 200 triệu còn lại thì T rủ V góp tiền đặt cọc chung, hẹn đến ngày 15/9/2022 thì ra sổ và chủ đất sẽ chuyển trả tiền gốc và tiền chênh lệch giá bán. Ngày 11/7/2022, bà V chuyển khoản số tiền 100 triệu đồng vào tài khoản số 2000866866 tại ngân hàng MBBank của ông Phạm Đình T2, nội dung chuyển khoản “co Van chuyen tien cho me Thuy dat coc 2 lo dat Tan Nghia”;

- Lần thứ tám: T nói có hai lô đất ở hồ Đông, khu vực Phạm Văn, tt DL, nói có khách ở Đồng Nai mua cho người chị ở nước ngoài, T không nói rõ là khách tên gì, ở đâu. Đối với lô đất này chủ nhà yêu cầu đặt cọc 900 triệu đồng, tuy nhiên khách chỉ đặt cọc 300 triệu đồng, số tiền 600 triệu còn lại thì T rủ V góp tiền đặt cọc chung, hẹn sau 90 ngày kể từ ngày giao tiền thì ra sổ và chủ đất sẽ chuyển trả tiền gốc và tiền chênh lệch giá bán. Để cho bà V tin tưởng T đã đưa ra thông tin về việc chuyển 200 triệu đồng tiền lời có được từ các lô trước đó sang, bà V chỉ cần góp 100 triệu đồng để cọc hai lô này. Tin tưởng việc góp vốn cùng T đầu tư đất đã phát sinh lời nên ngày 14/7/2022 bà V đã chuyển 100 triệu đồng vào tài khoản số 10006213435 tại ngân hàng Viettinbank của ông Nguyễn Văn Ch2, nội dung chuyển khoản “LE THI VAN Chuyen tien dat coc chung lo dat pham van voi chi Thuy”;

- Lần thứ chín: T nói có hai lô đất ở xã Liên Đàm, huyện Di Linh, T chỉ nói khách ở Sài Gòn muốn mua, không nói rõ là khách tên gì, ở đâu. T đề nghị V góp số tiền 100 triệu đồng, T góp 100 triệu đồng, hẹn trong vòng sáu tháng sau khi đặt cọc thì công chứng ra sổ. T còn đưa ra thông tin do chủ nhà yêu cầu nhận tiền mặt nên ngày 21/7/2022, T đến nhà bà V tại địa chỉ: 50 HBT, tt DL, huyện Di Linh để nhận số tiền 100 triệu đồng. Khi giao nhận tiền thì không ghi nhận giấy tờ gì, không có người chứng kiến;

- Lần thứ mười: T đưa ra thông tin có lô đất 17.000m², ở xã Liên Đàm, huyện Di Linh; nói có khách ở Sài Gòn muốn mua, không nói rõ là khách tên gì, ở đâu. Đối với lô đất này chủ đất yêu cầu đặt cọc 800 triệu đồng, tuy nhiên khách chỉ có đặt cọc 500 triệu đồng, số tiền 300 triệu còn lại thì T rủ V góp tiền đặt cọc chung, hẹn 90 ngày sau khi giao tiền thì ra sổ và chủ đất sẽ chuyển trả tiền gốc và tiền chênh lệch. Tin tưởng thông tin đưa ra là thật nên ngày 24/7/2022, bà V chuyển khoản số tiền 150 triệu đồng vào tài khoản số 10006213435 tại ngân hàng Viettinbank của ông Nguyễn Văn Ch2, nội dung chuyển khoản “LE THI VAN Chuyen tien dat coc lo dat Lien dam cung chi Thuy (90 ngay ra so)”;

- Lần thứ mười một: T nói có hai lô đất ở xã Tân Nghĩa, huyện Di Linh. T nói có khách ở Sài Gòn muốn mua, T không nói rõ là khách tên gì, ở đâu. Đối với lô đất này chủ đất yêu cầu đặt cọc 500 triệu đồng, tuy nhiên khách chỉ có đặt cọc 250 triệu đồng, số tiền 250 triệu còn lại thì T rủ V góp tiền đặt cọc chung, hẹn 45 ngày sau khi giao tiền thì ra sổ và chủ đất sẽ chuyển trả tiền gốc và tiền chênh lệch. Để cho bà V tin tưởng T đã đưa ra thông tin về việc chuyển 60 triệu đồng tiền lời có được từ các lô trước đó sang, bà V chỉ cần góp 65 triệu đồng để cọc hai lô này. Tin tưởng thông tin T đưa ra là thật nên ngày 03/8/2022, bà V đã giao tiền mặt số tiền 65 triệu đồng cho T tại nhà bà V ở địa chỉ: 50 Hai Bà Trưng, tt DL, huyện Di Linh. Khi giao nhận tiền thì không ghi nhận giấy tờ gì, không có người chứng kiến;

- Lần thứ mười hai: T đưa ra thông tin có lô đất ở xã Tân Nghĩa, huyện Di Linh. T chỉ nói có người khách muốn mua lô đất này, không nói rõ là khách tên gì, ở đâu. Đối với lô đất này chủ đất yêu cầu đặt cọc 250 triệu đồng, tuy nhiên khách chỉ có đặt cọc 130 triệu đồng, số tiền 120 triệu còn lại thì T rủ V góp tiền đặt cọc chung, hẹn 45 ngày sau khi giao tiền thì ra sổ và chủ đất sẽ chuyển trả tiền gốc và tiền chênh lệch giá bán. Tin tưởng nên ngày 07/8/2022, T chuyển khoản số tiền 40 triệu đồng vào tài khoản số 10006213435 tại ngân hàng Viettinbank của ông Nguyễn Văn Ch2, nội dung chuyển khoản “LE THI VAN Chuyen tien dat coc lo dat Tan Nghia chung voi chi Thuy”;

- Lần thứ mười ba: T đưa ra thông tin có lô đất thổ cư ở hẻm Ánh Dương, Cây số 3, thị trấn Di Linh. T nói có khách ở Sài Gòn muốn mua, không nói rõ là

khách tên gì, ở đâu. Đối với lô đất này chủ đất yêu cầu đặt cọc 500 triệu đồng, tuy nhiên khách chỉ có đặt cọc 300 triệu đồng, số tiền 200 triệu còn lại thì T rủ bà V góp tiền đặt cọc chung, trong đó V góp số tiền 70 triệu đồng, hẹn 90 ngày sau khi giao tiền thì ra sổ và chủ đất sẽ chuyển trả tiền gốc và tiền chênh lệch. Ngày 09/8/2022, T đến nhà bà V ở số 50 Hai Bà Trưng, tt DL nhận số tiền 70 triệu đồng tiền mặt để cọc lô đất trên, khi giao nhận tiền thì không ghi nhận giấy tờ gì, không có người chứng kiến;

- Lần thứ mười bốn: T đưa ra thông tin có lô đất ở xã Tân Nghĩa, huyện Di Linh, nói có người khách muốn mua lô đất này, không nói rõ là khách tên gì, ở đâu. Đối với lô đất này chủ đất yêu cầu đặt cọc 500 triệu đồng, tuy nhiên khách chỉ có đặt cọc 350 triệu đồng, số tiền 150 triệu còn lại thì T rủ V góp tiền đặt cọc chung, trong đó V góp số tiền 100 triệu đồng, T hẹn sau hai tháng sau khi giao tiền thì ra sổ và chủ đất sẽ chuyển trả tiền gốc và tiền chênh lệch giá bán. Tin tưởng thông tin T đưa ra là thật nên ngày 14/8/2022, bà V chuyển khoản số tiền 100 triệu đồng vào tài khoản số 19034460480011 tại ngân hàng Techcombank của bà Nguyễn Trúc Phương Tr (bạn gái của con T), nội dung chuyển khoản “LE THI VAN Chuyen tien”;

- Lần thứ mười lăm: T nói có lô đất ở xã Tân Châu, huyện Di Linh. T chỉ nói có người khách muốn mua lô đất này, không nói rõ là khách tên gì, ở đâu. Đối với lô đất này chủ đất yêu cầu đặt cọc 1,5 tỷ đồng, tuy nhiên khách chỉ có đặt cọc 900 triệu đồng, số tiền 600 triệu còn lại T rủ bà V và ông Hàn Văn Ch góp tiền đặt cọc chung, mỗi người góp số tiền 200 triệu đồng. Đối với khoản này thì bà V không giao tiền cho T mà T nói sẽ chuyển khoản lợi nhuận của các lô trước đó để góp số tiền 200 triệu đồng cho bà V mua lô đất này. Còn bà V chứng kiến vào ngày 20/8/2022, ông Ch giao 200 triệu đồng tiền mặt cho T tại quán cà phê ông Thọ, đường HV, tt DL;

- Lần thứ mười sáu: T nói có lô đất 19.000m² ở xã Hòa Bắc, huyện Di Linh. T chỉ nói có người khách muốn mua lô đất này, không nói rõ là khách tên gì, ở đâu. Chủ đất yêu cầu đặt cọc 02 tỷ đồng, tuy nhiên khách chỉ có đặt cọc 1,4 tỷ đồng, số tiền 600 triệu còn lại T rủ bà V và ông Hàn Văn Ch góp mỗi người 200 triệu đồng. Tin tưởng thông tin T đưa ra là thật nên ngày 25/8/2022, ông Hàn Văn Ch chuyển khoản số tiền 400 triệu đồng từ tài khoản số 5408215028908 của ông Ch vào tài khoản số 2000866866 tại ngân hàng MBBank của ông Phạm Đình T2 (con trai T), nội dung chuyển khoản “HAN VAN CHUC chuyen khoan”, trong đó có 200 triệu đồng bà V góp vốn (bà V đã trả số tiền này cho ông Ch);

- Lần thứ mười bảy: T nói có lô đất 30.000m² ở xã Sơn Điền, huyện Di Linh, T chỉ nói có người khách muốn mua lô đất này, không nói rõ là khách tên gì, ở đâu. Đối với lô đất này chủ đất yêu cầu đặt cọc 1 tỷ 750 triệu đồng, tuy nhiên

khách chỉ có đặt cọc 01 tỷ đồng, số tiền 750 triệu còn lại thì T rủ V và ông Hàn Văn Ch góp tiền đặt cọc chung, mỗi người góp 250 triệu đồng, hẹn sáu tháng sau khi giao tiền thì ra sổ và chủ đất sẽ chuyển trả tiền gốc và tiền chênh lệch giá bán. Tin tưởng thông tin T đưa ra là thật nên ngày 06/9/2022, bà V đã chuyển khoản 250 triệu đồng vào tài khoản số 2000866866 tại ngân hàng MBBank của ông Phạm Đình T2, nội dung chuyển khoản “LE THI VAN Chuyen tien cho chi Thuy dat coc lo dat Son Dien”.

- Lần thứ mười tám: T nói có lô đất ở xã Tân Nghĩa, huyện Di Linh. T chỉ nói có người khách muốn mua lô đất này, không nói rõ là khách tên gì, ở đâu, không nói rõ khách đặt cọc bao nhiêu. T chỉ rủ V và ông Hàn Văn Ch góp tiền đặt cọc chung. Trong đó ông Ch góp số tiền 280 triệu đồng, còn V và T góp số tiền 250 triệu đồng, hẹn sau sáu tháng sau khi giao tiền thì ra sổ và chủ đất sẽ chuyển trả tiền gốc và tiền chênh lệch giá bán. Tin tưởng thông tin T đưa ra là thật nên ngày 16/9/2022, bà V chuyển khoản số tiền 530 triệu đồng vào tài khoản số 2000866866 tại ngân hàng MBBank của ông Phạm Đình T2, bà V chuyển khoản làm hai lần, một lần 300 triệu đồng, nội dung chuyển khoản “co Van, bac Chuc dat coc lo dat Tan Nghia chung voi chi Thuy”, một lần 230 triệu đồng, nội dung chuyển khoản “co Van, bac Chuc chuyen tien dat coc lo dat Tan Nghia chung voi chi Thuy”, trong đó bao gồm 280 triệu đồng ông Ch góp vốn;

- Lần thứ mười chín: T đưa ra thông tin có lô đất 7.400m² ở xã Tân Nghĩa, huyện Di Linh. T nói chủ đất yêu cầu đặt cọc 1,5 tỷ đồng, khách đặt 01 tỷ, số tiền 500 triệu đồng còn lại T rủ V góp tiền đặt cọc chung, mỗi người góp 250 triệu đồng, hẹn sau ba tháng sau khi giao tiền thì ra sổ và chủ đất sẽ chuyển trả tiền gốc và tiền chênh lệch giá bán. Tuy nhiên T chỉ yêu cầu V đưa 110 triệu đồng, số tiền 140 triệu đồng còn lại T nói sẽ huy tiền lời từ các lô đã góp vốn trước đó để bù vào. Ngày 03/10/2022, bà V giao tiền mặt 110 triệu đồng tại quán ăn cho T, địa chỉ: 768/1 HV, Di Linh. Khi giao nhận tiền thì không ghi nhận giấy tờ gì, không có người chứng kiến;

- Lần thứ hai mươi: T đưa ra thông tin có hai lô đất ở xã Tân Nghĩa, huyện Di Linh. T chỉ nói có người khách muốn mua lô đất này, không nói rõ là khách tên gì, ở đâu. Chủ đất yêu cầu đặt cọc 920 triệu đồng, khách đặt 800 triệu đồng, số tiền 120 triệu đồng còn lại T rủ V góp tiền đặt cọc chung, mỗi người góp 60 triệu đồng, hẹn 45 ngày sau khi giao tiền thì ra sổ và chủ đất sẽ chuyển trả tiền gốc và tiền chênh lệch giá bán. Tin tưởng T nói là thật nên ngày 04/10/2022, bà V giao 40 triệu đồng tiền mặt cho T tại nhà V ở địa chỉ: 50 HBT, tt DL, huyện Di Linh. Số tiền 20 triệu đồng còn lại bà V đưa thẻ ATM số tài khoản 109004557133 tại ngân hàng Viettinbank, cung cấp mã PIN cho T để T trực tiếp đi rút tiền.

Để cho bà Lê Thị V tin tưởng việc góp vốn là thật, phát sinh lợi nhuận nên ngày 15/9/2022, Nguyễn Kim T đã chuyển cho bà V số tiền 200 triệu đồng thông qua tài khoản của con trai là Phạm Đình T2. Lý do T chuyển trả cho bà V khoản tiền trên là do đã đến hạn công chứng ra sổ của lô đầu tiên mà bà V góp vốn trước đó nên để tránh bị phát hiện T đã nói con trai chuyển cho bà V số tiền 200 triệu đồng (nguồn gốc số tiền là từ ông Ch, bà V chuyển để cọc lô đất ngày 06/9/2022). Từ đó bà V, ông Ch mới tin tưởng T đã dùng tiền để đặt cọc mua đất là thật.

Tổng số tiền Nguyễn Kim T đã chiếm đoạt của bà Lê Thị V là 2.005.000.000đ (Hai tỷ không trăm lẻ năm triệu đồng).

2. Đối với ông Hàn Văn Ch:

Trong thời gian từ tháng 8/2022 đến tháng 9/2022, Nguyễn Kim T đã nhiều lần đưa ra thông tin gian dối đầu tư góp tiền mua đất để chiếm đoạt tiền của ông Hàn Văn Ch. Để cho ông Ch tin tưởng, T đã tự soạn một Hợp đồng đặt cọc đề ngày 20/8/2022 thể hiện ông Bùi Văn Hải, sinh năm 1972, số CCCD: 04007202391 có đặt cọc mua của ông Bùi Văn Lạc, sinh năm 1964, vợ là Trương Thị Chu Hồng, sinh năm 1970, lô đất diện tích 5884m², thuộc thửa đất số 656, tờ bản đồ số 52C, tại địa chỉ xã TC, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, trong hợp đồng thể hiện T là người làm chứng, sau đó T gửi tin nhắn Zalo cho bà V và ông Ch. Các thông tin người bán và thông tin lô đất thì T lấy trên mạng xã hội rồi về điền thêm thông tin người mua vào trong hợp đồng sau đó gửi cho ông Ch, bà V. Do tin tưởng các thông tin do T đưa ra là thật nên ông Ch đã nhiều lần chuyển tiền cho T, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: T gọi điện thoại cho ông Hàn Văn Ch nói có một lô đất tại xã Tân Nghĩa, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. T nói ông Ch góp 100 triệu đồng, T góp 100 triệu đồng, sau đó sẽ bán được trong vòng 60 ngày kể từ ngày góp tiền. Tin tưởng thông tin T đưa ra là thật nên ngày 12/8/2022, ông Ch chuyển khoản số tiền 100 triệu đồng vào tài khoản số 2000866886 tại Ngân hàng MB Bank của Phạm Đình T2, nội dung chuyển tiền là “HAN VAN CHUC chuyen khoan”;

- Lần thứ hai: T nói có lô đất ở xã Tân Châu, huyện Di Linh, rủ ông Ch và bà Lê Thị V góp tiền đặt cọc chung, mỗi người góp số tiền 200 triệu đồng. Đối với khoản này thì ngày 20/8/2022, ông Ch giao 200 triệu đồng tiền mặt cho T tại quán cà phê ông Thọ, đường HV, TT Di Linh, có bà V và bà Đoàn Thị Kim S, sinh năm 1958, địa chỉ: Thôn 3, xã TT, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng là người làm chứng. Cơ quan điều tra đã ghi lời lại bà S, qua làm việc bà S xác nhận có chứng kiến việc ông Ch giao tiền;

- Lần thứ ba: T nói có lô đất 19.000m² ở xã Hòa Bắc, huyện Di Linh, rủ ông Ch và bà Lê Thị V góp mỗi người 200 triệu đồng. Đối với khoản tiền này thì ngày 25/8/2022, ông Ch là người chuyển khoản số tiền 400 triệu đồng từ vào tài khoản số 2000866866 tại ngân hàng MBBank của ông Phạm Đình T2 (con trai T), nội dung chuyển tiền là “HAN VAN CHUC chuyen khoan”, trong số tiền chuyển khoản bao gồm 200 triệu đồng góp vốn của bà Lê Thị V;

- Lần thứ tư: T nói có lô đất 30.000m² ở xã Sơn Điền, huyện Di Linh, rủ ông Ch và bà Lê Thị V góp tiền đặt cọc chung, mỗi người góp 250 triệu đồng. Tin tưởng thông tin T đưa ra là thật nên ngày 06/9/2022, ông Ch chuyển khoản số tiền 250 triệu đồng vào tài khoản số 2000866886 tại Ngân hàng MB Bank của Phạm Đình T2, nội dung chuyển tiền là “HAN VAN CHUC chuyen khoan”;

- Lần thứ năm: T nói có lô đất ở xã Tân Nghĩa, huyện Di Linh, rủ ông Ch và bà Lê Thị V góp tiền đặt cọc chung. Trong đó ông Ch góp 280 triệu đồng, còn bà V và T mỗi người 250 triệu đồng. Đối với khoản tiền này thì ngày 16/9/2022, bà V là người chuyển số tiền 530 triệu đồng từ tài khoản của bà V vào tài khoản số 2000866866 tại ngân hàng MBBank của ông Phạm Đình T2, bà V chuyển khoản làm hai lần, một lần 300 triệu đồng, nội dung chuyển khoản “co Van, bac Chuc dat coc lo dat Tan Nghia chung voi chi Thuy”, một lần 230 triệu đồng, nội dung chuyển khoản “co Van, bac Chuc chuyen tien dat coc lo dat Tan Nghia chung voi chi Thuy”, trong đó bao gồm 280 triệu đồng ông Ch góp vốn.

Tổng số tiền Nguyễn Kim T đã chiếm đoạt của ông Hàn Văn Ch thông qua việc đưa ra thông tin gian dối góp tiền mua đất là 1.030.000.000đ (Một tỷ không trăm ba mươi triệu đồng).

Đến thời hạn công chứng, ra sổ nhưng Nguyễn Kim T không trả tiền gốc và tiền chênh lệch cho ông Hàn Văn Ch và bà Lê Thị V nên ngày 30/10/2022, Nguyễn Kim T đến nhà bà V để viết hai “Giấy xác nhận góp vốn mua đất” với nội dung T nhận tiền từ ông Ch và bà V để mua đất nhưng không thực hiện mà dùng để trả nợ cho người khác rồi đưa cho ông Ch, bà V giữ. Việc viết giấy trên với mục đích để xác nhận, bổ sung việc T đã nhận tiền của ông Ch, bà V, sau đó ký tên phía dưới, có sự chứng kiến của ông Hàn Văn Ch, bà Lê Thị V, ông Nguyễn Văn và Phạm Đình T2 (T2 là người ký tên người chứng kiến trong Giấy xác nhận góp vốn mua đất). Sau khi bà V, ông Ch phát hiện việc T không dùng tiền để mua đất mà dùng để trả nợ thì từ ngày 21/11/2022 đến ngày 29/10/2023, Nguyễn Kim T đã nhiều lần chuyển cho bà Lê Thị V với tổng số tiền 124.500.000đ (Một trăm hai mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng) để cho bà V trả tiền lãi ngân hàng đối với khoản tiền mà T đã chiếm đoạt. Đến nay Nguyễn Kim T đã trả cho bà Lê Thị V số tiền 200 triệu đồng vào ngày 15/9/2022 và số tiền

124.500.000đ (Một trăm hai mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng).(BL 276 – 284)

Vật chứng thu thập giữ:

- 01 (một) Giấy xác nhận góp vốn mua đất đề ngày 30/10/2022; Nội dung thể hiện việc bà Nguyễn Kim T nhận tiền góp vốn của ông Hàn Văn Ch để đặt cọc mua đất; phía dưới mục người trình bày có chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Kim T (Bản gốc);(BL 60)

- 01 (một) Giấy xác nhận góp vốn mua đất đề ngày 30/10/2022; Nội dung thể hiện việc bà Nguyễn Kim T nhận tiền góp vốn của bà Lê Thị V để đặt cọc mua đất; phía dưới mục người trình bày có chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Kim T (Bản gốc); (BL 62)

- 01 (một) Hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đề ngày 19/10/2022 (Liên phụ); (BL 13A)

Tổng số tiền Nguyễn Kim T chiếm đoạt là 3.035.000.000đ. (Trong đó số tiền của bà V là 2.005.000.000đ. Số tiền của ông Ch là: 1.030.000.000đ). Đối với số tiền 324.500.000đ bà V đã nhận lại từ T sau này sẽ trừ vào số tiền V chiếm đoạt.

Tại bản Cáo trạng số 42/CT-VKS-P2 ngày 01/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố Nguyễn Kim T phạm tội “ *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, quy định tại điểm a khoản 4, Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện đúng như bản cáo trạng truy tố; không khiếu nại thắc mắc gì và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo đã khắc phục được số tiền 324.500.000đ cho bị hại là bà V.

Các bị hại không thắc mắc khiếu nại nội dung bản cáo trạng, yêu cầu bị cáo hoàn trả toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt. Bị hại Lê Thị V thừa nhận trước khi đưa vụ án ra xét xử, con của bị cáo có khắc phục thêm 100.000.000đ, tổng cộng bà đã nhận của bị cáo là 424.500.000đ, còn lại 1.580.500đ yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Kim T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo mức án 14 đến 16 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Kim T bồi thường cho bị hại Lê Thị V số tiền 1.580.500.000đ; bị hại Hàn Văn Ch số tiền 1.030.000.000đ.

Luật sư bào chữa cho bị cáo thông nhất về tội danh, điều luật mà Viện kiểm sát truy tố; chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sớm trở về với gia đình và sớm hòa nhập cộng đồng.

Bị cáo thông nhất lời trình bày của Luật sư và không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin lỗi bị hại và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận: Do cần tiền để sử dụng mục đích cá nhân, nên trong thời gian từ tháng 6/2022 đến tháng 10/2022, Nguyễn Kim T đã nhiều lần đưa ra thông tin gian dối với ông Hàn Văn Ch và bà Lê Thị V về việc góp tiền đặt cọc mua đất, sau đó hứa hẹn chia tiền lời để ông Ch, bà V tin tưởng nhiều lần giao tiền cho T. Sau khi nhận được tiền T không dùng để đặt cọc lô đất nào, không dùng để góp vốn mua đất cùng với ai mà dùng toàn bộ số tiền nhận được để trả nợ và tiêu sài cá nhân. Tổng số tiền Nguyễn Kim T chiếm đoạt là 3.035.000.000đ. (Trong đó số tiền của bà V là 2.005.000.000đ. Số tiền của ông Ch là : 1.030.000.000đ). Hành vi trên của Nguyễn Kim T đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với Kết luận giám định, vật chứng thu giữ, lời khai của người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Kim T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng; đã xâm hại đến khách thể quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Do vậy, cần có mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới có tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đánh giá nhân thân, bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, khắc phục một phần hậu quả, bị hại Lê Thị V xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Đối với quan điểm của Luật sư và Kiểm sát viên đề nghị áp dụng thêm cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không phù hợp. Bởi lẽ, số tiền bị cáo khắc phục quá ít so với số tiền chiếm đoạt.

Nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nên cũng được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Kim T bồi thường cho bị hại Lê Thị V số tiền 1.580.500.000đ; bị hại Hàn Văn Ch số tiền 1.030.000.000đ.

[7] Ngoài nội dung Nguyễn Kim T chiếm đoạt tài sản của ông Hàn Văn Ch và bà Lê Thị V thì vào ngày 10/9/2022, bà Nguyễn Kim T còn vay của ông Hàn Văn Ch số tiền 100 triệu đồng. Khi vay tiền T đưa ra lý do để cho một người bạn vay để hưởng lãi suất và chỉ yêu cầu ông Ch chuyển 88 triệu đồng, số tiền 12 triệu đồng còn lại T nói để trả trước tiền lãi của khoản vay cho ông Ch. Sau đó ông Ch đã chuyển khoản số tiền 88 triệu đồng vào tài khoản của Nguyễn Văn Ch2, số tiền nhận được T cũng dùng để trả nợ cho các khoản vay của T. Đối với nội dung vay mượn tiền nêu trên, khi vay tiền thì không lập giấy tờ ghi nhận mục đích vay, mặc dù T dùng tiền vay được để trả nợ cho người khác, nhưng khi cho vay ông Ch cũng không quan tâm T sử dụng tiền để làm gì, miễn sao T trả gốc trả lãi đầy đủ là được, thực tế T đã trả trước tiền lãi 12 triệu đồng cho ông Hàn Văn Ch. Như vậy việc vay mượn tiền giữa Hàn Văn Ch và Nguyễn Kim T chỉ là giao dịch dân sự giữa các bên. Hành vi của Nguyễn Kim T không đủ yếu tố cấu thành tội phạm hình sự.

Đối với ông Phạm Đình T2, ông Nguyễn Văn Ch2 và bà Nguyễn Trúc Phương Tr, kết quả điều tra xác định:

Trong thời gian từ tháng 6/2022 đến tháng 8/2022, bà Lê Thị V và ông Hàn Văn Ch đã chuyển khoản vào các tài khoản của các ông, bà Phạm Đình T2, Nguyễn Văn Ch2 và Nguyễn Trúc Phương Tr để đầu tư đất theo yêu cầu của Nguyễn Kim T. Khi nhận tiền thì các ông, bà Phạm Đình T2, Nguyễn Văn Ch2 và Nguyễn Trúc Phương Tr, đều được Nguyễn Kim T nhờ nhận tiền sau đó yêu cầu chuyển cho người khác hoặc rút tiền mặt đưa lại cho T. Ngoài ra ông T2, ông Ch2, bà Tr không trao đổi gì liên quan đến việc nhận tiền của T, không biết lý do vì sao chuyển tiền cũng không được hưởng lợi ích gì. Do đó các ông, bà Phạm Đình T2, Nguyễn Văn Ch2 và Nguyễn Trúc Phương Tr, không đồng phạm với Nguyễn Kim T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Đối với những người mà Nguyễn Kim T trả nợ, do T trả nợ cho rất nhiều người, nhiều khoản khác nhau, việc trả nợ đều được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản nên T không nhớ cụ thể trả cho những người nào, ở đâu. Cơ quan điều tra đã sao kê tài khoản, làm việc được với bà Trần Như Phượng và Cao Văn Thuyên là người đã nhận tiền của bị cáo, qua làm việc những người này xác định toàn bộ số tiền mà T chuyển đều là để trả nợ cho những khoản vay trước đó của T, không biết nguồn tiền do T trả từ đâu mà có, do đó không có căn cứ xử lý về hành vi “*Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, theo quy định tại điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Kim T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Kim T 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 30/10/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Kim T bồi thường cho bị hại Lê Thị V số tiền 1.580.500.000đ (một tỷ năm trăm tám mươi triệu năm trăm nghìn đồng); bị hại Hàn Văn Ch số tiền 1.030.000.000đ (một tỷ không trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng các Điều 135; 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Nguyễn Kim T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 73.221.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh để xét xử phúc thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật (người liên quan chỉ được quyền kháng cáo phần có liên quan./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- VKSNDCC tại Thành phố HCM (01);
- Vụ GDKT I – TANDTC (01);
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Lâm Đồng (02);
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng PV 06 CA tỉnh Lâm Đồng (01);
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng (01);
- Trại tạm giam (01); Bị cáo (04);
- Bị hại (04);
- Luật sư (01);
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ (08);
- Hồ sơ THAHS (08);
- Lưu Tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã kí

Đỗ Mạnh Hùng